TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2020/DS-PT
Ngày: 28/5/2020
V/v chia thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Đặng Mạnh Cẩm Yến**

Các Thẩm phán: Ông **Mai Tiến Dũng**

Ông **Trương Chí Anh**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thanh Hà** – Thư ký Toà án nhân nhân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà **Trịnh Thu Tân** - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 137/2020/DSPT ngày 28 tháng 2 năm 2020 về việc *"chia thừa kế"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 37/2019/DSST ngày: 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 142/QĐPT-DS ngày 19 tháng 3 năm 2020,, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 246/2020/TB-TA ngày 23/4/2020, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 214/2020/QĐHPT - PT ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lưu T L, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Khu 13, Thôn K, xã V, huyện M, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Bà Bà Lưu T T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện M, Thành phố Hà Nội.

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lưu X N, sinh năm 1958;

Trú tại: Thôn A, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang

2. Ông Lưu V T, sinh năm 1960;

3. Ông Lưu Văn T, sinh năm 1968;

4. Bà Lưu T Ln, sinh năm 1970;

5. Ông Trương V T, sinh năm 1971;

6. Bà Nguyễn T Th, sinh năm 1969; chị Lưu Thị Hạnh, sinh năm 1992; anh Lưu Văn Mạnh, sinh năm 1993; và anh Lưu Mạnh Cường, sinh năm 1996;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thành, chị Hạnh, anh Mạnh, anh Cường - ông Lưu Văn T.

Đều có nơi ĐKNKTT và cư trú: Thôn K, xã V, huyện M, Thành phố Hà Nội.

7. Bà Nguyễn T S, sinh năm 1955;

8. Anh Nguyễn V T, sinh năm 1975;

9. Chị Nguyễn T T, sinh năm 1977;

10. Chị Nguyễn T T, sinh năm 1979;

11. Anh Nguyễn V Th, sinh năm 1983;

Đều có nơi ĐKNKTT và cư trú tại: xóm Bến Trung, xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

12. Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Anh Dũng, Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Ngô Trung Thoan, phó giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Mê Linh;

Người kháng cáo: Bà Lưu T L – Là nguyên đơn và ông Lưu Văn T, ông Lưu V T – Là người có quyền lợi nghĩ vụ liên quan.

Tại phiên tòa có mặt: Bà Lưu T L, bà Bà Lưu T T, ông Lưu Văn T, bà Lưu T Ln.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn - Bà Lưu T L trình bày:

Bố bà là cụ Lưu Văn Nông (sinh năm 1931, đã chết năm 2007), mẹ bà là cụ Trương Thị Thị (sinh năm 1927, đã chết năm 2015) và sinh được 06 người con gồm: ông Lưu X N, sinh năm: 1958; ông Lưu V T, sinh năm: 1960; Bà Lưu T L, sinh năm: 1964; ông Lưu Văn T, sinh năm: 1968; bà Lưu T Ln, sinh năm: 1970; bà Bà Lưu T T, sinh năm: 1973.

Trước khi kết hôn với cụ Lưu Văn Nông thì cụ Trương Thị Thị có kết hôn với cụ Nguyễn Văn Thuộc năm 1953 (cụ Thuộc đã hy sinh năm 1954). Cụ Thuộc và cụ Thị có 01 người con chung là Nguyễn Văn Thành (sinh năm 1955, chết năm 2016). Ông Thành có vợ là bà Nguyễn T S, sinh năm 1955; các con là anh Nguyễn V T, sinh năm 1975; chị Nguyễn T T, sinh năm 1977; chị Nguyễn T T, sinh năm 1979; anh Nguyễn V Th, sinh năm 1983.

Năm 2007, bố bà qua đời không để lại di chúc. Ngày 04/5/2011, mẹ bà và những người trong hộ gia đình được cấp GCNQSDĐ số BE379523 đối với diện tích đất 418,9m^2 thửa đất số 108, tờ bản đồ số 30, có địa chỉ tại Thôn K, xã V, huyện M, Thành phố Hà Nội mang tên hộ bà Trương Thị Thị. Tài sản này không liên quan gì đến anh Thành và vợ con anh Thành.

Sau khi được cấp GCNSDĐ các thành viên trong gia đình đã thống nhất tặng cho em bà là ông Lưu Văn T diện tích đất 301m^2 trong diện tích đất đã được cấp GCNQSDĐ của cụ Trương Thị Thị để sinh sống và làm ăn.

Vì vậy, ngày 23/9/2011, mẹ bà và những người trong hộ gia đình làm hợp đồng tặng ông Lưu Văn T diện tích đất 301m^2 trong tổng phần diện tích nêu trên. Sau khi được tặng cho ngày 16/12/2011, ông Tự đã làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ và đã được UBND huyện Mê Linh cấp GCNQSDĐ số BE261900 cho diện tích đất 301m^2 thuộc thửa đất số 108-1 tờ bản đồ số 30, địa chỉ tại Khu 13, Thôn K, xã V, huyện M, Thành phố Hà Nội mang tên ông Lưu Văn T. Cùng lúc ấy cụ Thị cũng tiến hành thủ tục xin cấp GCNQSDĐ cho diện tích đất còn lại là 108,9m^2 thửa đất số 108, tờ bản đồ số 30, có địa chỉ tại Thôn K, xã V, huyện M, thành phố Hà Nội và đã được UBND huyện Mê Linh cấp GCNQSDĐ số BE360087 ngày 16/12/2011, mang tên hộ bà Trương Thị Thị, tại thời điểm này mẹ bà đang ở chung với gia đình ông Tự và theo nhân khẩu thì mẹ bà ở cùng hộ khẩu với em Tự.

Đến năm 2015, cụ Thị chết và có di nguyện dặn anh chị em bà sử dụng diện tích đất còn lại là 117,9m^2 để làm nơi thờ cúng tổ tiên, ông bà, bố mẹ và có nơi để con cháu sau này trở về hương khói.

Tuy nhiên, sau khi mẹ mất một thời gian ông Trương V T là chồng của bà Bà Lưu T T đã tự ý chiếm giữ và sử dụng diện tích đất 117,9m^2 là di sản thừa kế do mẹ bà để lại mà không hỏi ý kiến của anh chị em trong gia đình và không hề có sự đồng ý của anh chị em bà. Sau khi chiếm giữ tài sản nói trên, vợ chồng ông Tâm, bà Thanh đã tự ý phá dỡ nhà cửa, đập phá nơi thờ cúng tổ tiên làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh em bà. Bà và ông Tự, bà Liên đã nhiều lần ngăn cản, nói chuyện giải hòa thế nhưng vẫn không thể tìm ra hướng giải quyết chung.

Đến tháng 10/2018, bà bà ông Tự, bà Liên đã làm đơn ra UBND xã Văn Khê yêu cầu tổ chức hòa giải, thế nhưng khi UBND xã xuống làm việc thì bà Thanh, ông Tâm, ông Nghiệp cũng như ông Thắng lại không có mặt và cũng không có lý do.

Đây là tài sản do mẹ bà chết để lại, trước khi chết cụ đã có di nguyện để lại diện tích đất 117,9m^2 thửa đất số 108, tờ bản đồ số 30, có địa chỉ tại Thôn K, xã V, huyện M, Thành phố Hà Nội để làm nơi thờ cúng tổ tiên và là diện tích đất chung của cả 06 anh chị em do mẹ để lại, vì vậy mọi việc sử dụng chiếm giữ, mua bán hay tặng cho đều phải thông qua và có sự đồng ý của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của mẹ chúng tôi. Việc bà Thanh, ông Tâm tự ý chiếm giữ, sử dụng, phá dỡ nhà cửa, đập phá nơi thờ cúng tổ tiên đã làm trái lại với di nguyện của mẹ khi còn sống và ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà.

Vì vậy, bà đề nghị chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với tài sản do mẹ bà chết không có di chúc để lại là diện tích đất 117,9m^2, thửa đất số 108, tờ bản đồ số 30, địa chỉ tại

Xóm Trại A, Thôn K, xã V, huyện M, Thành phố Hà Nội, đã được cấp GCNQSDĐ mang tên cụ Trương Thị Thị.

Yêu cầu ông Trương V T và bà Bà Lưu T T phải trả lại tài sản thừa kế do mẹ bà để lại để làm nơi thờ cúng là diện tích đất 117,9m^2, thửa đất số 108, tờ bản đồ số 30, địa chỉ tại Xóm Trại A, Thôn K, xã V, huyện M, Thành phố Hà Nội hiện đang bị ông Tâm và bà Thanh chiếm giữ và sử dụng. Yêu cầu bà Thanh và ông Tâm bồi thường những thiệt hại do việc tự ý phá bỏ ngôi nhà 05 gian lợp ngói, công trình trên đất (chuồng lợn) là di sản thừa kế do mẹ bà để lại. Yêu cầu bà Thanh, ông Tâm tháo dỡ toàn bộ việc xây dựng nhà tôn trái phép trên đất để trả lại đất cho anh chị em bà. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Trương Thị Thị hiện nay do bà Thanh đang chiếm giữ. Phần di sản bà được chia xin giao cho ông Tự làm nơi thờ cúng chung của mọi người trong gia đình

2. Bị đơn, bà Bà Lưu T T trình bày:

Bà nhất trí lời khai của bà Lợi về năm sinh năm mất và các con của cụ Nông, cụ Thị. Năm 2007 bố bà qua đời không để lại di chúc. Ngày 04/5/2011, mẹ bà và những người trong hộ gia đình được cấp GCNQSDĐ số BE379523 đối với diện tích đất 418,9m^2 thửa đất số 108, tờ bản đồ số 30, có địa chỉ tại Thôn K, xã V, huyện M, Thành phố Hà Nội mang tên hộ cụ Lưu Thị Thị.

Đến ngày 23/9/2011 mẹ bà và những người trong hộ gia đình làm hợp đồng tặng cho ông Lưu Văn T diện tích đất 301m^2 trong tổng phần diện tích nêu trên. Ngày 16/12/2011 ông Lưu Văn T đã làm GCNQSDĐ số BE261900 cho diện tích đất đã được tặng cho, cùng lúc ấy mẹ tôi và những người trong hộ tiến hành làm GCNQSDĐ số BE360087 cho diện tích đất còn lại là 108,9m^2 thửa đất số 108, tờ bản đồ số 30, có địa chỉ tại Thôn K, xã V, huyện M, Thành phố Hà Nội.

Đến năm 2015 mẹ bà chết và trước khi chết đi có dặn anh chị em bà cho ông Nghiệp là con trai cả sử dụng diện tích đất còn lại là 108,9m^2 để làm nơi thờ cúng tổ tiên, ông bà, bố mẹ và có nơi để con cháu sau này trở về hương khói. Tuy nhiên, sau này ông Nghiệp có viết giấy ủy quyền cho bà tháo dỡ ngôi nhà cũ của các cụ để lại vì ngôi nhà đã cũ, xuống cấp nên bà cùng chồng là ông Tâm tháo dỡ gian nhà nát. Sau đó vợ chồng bà đã đổ hết 20 triệu tiền đất để tôn cao nền. Hiện nay vợ chồng tôi đã làm nhà mái tôn lạnh để trông nom quản lý và chăn nuôi gà hết 144.000.000 đồng.

Nay bà Lợi làm đơn khởi kiện đến Tòa án bà hoàn toàn không đồng ý với ý kiến của bà Lợi. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Trương Thị Thị hiện nay do bà đang cầm vì năm 2013 mẹ bà ủy quyền cho bà đem thế chấp ở Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Mê Linh cho tôi vay 50 triệu đồng. Bà đã trả hết số nợ của tôi 50 triệu đồng cho ngân hàng và đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về từ tháng 4/2018.

Bà đề nghị Tòa án hòa giải để các anh chị em trong gia đình thống nhất với nhau, tránh gây mất đoàn kết. Mọi người nên để lại tài sản đất này cho ông Nghiệp làm nhà thờ cúng tổ tiên theo di nguyện của bố mẹ. Nếu không hòa giải được thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Bản thân bà là phận gái đã đi lấy chồng không liên quan gì đến đất của bố mẹ bà. Bà xin nhường lại toàn bộ tài sản của bố mẹ tôi để lại cho ông Nghiệp. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án do bận công việc nên bà xin được vắng mặt toàn bộ, không có thắc mắc gì khác.

3. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Lưu X N trình bày: Ông nhất trí với ý kiến trình bày của bà Thanh. Mẹ ông chết không để lại di chúc, tài sản mẹ ông để lại là diện tích đất 108,9m^2 có địa chỉ tại Xóm Trại A, Thôn K, xã V, huyện M, Thành phố Hà Nội, đã được cấp GCNQSDĐ mang tên bà Trương Thị Thị. Tuy nhiên trước khi chết mẹ ông có di nguyện để lại cho ông là con trai trưởng toàn bộ thửa đất để làm nơi thờ cúng. Ông đã làm giấy ủy quyền cho bà Thanh thay ông trông nom quản lý thửa đất nên vợ chồng bà Thanh thay ông quản lý. Đất này ông xác định là của mẹ ông để lại cho ông. Bản thân ông không đồng ý chia thừa kế thửa đất này theo pháp luật. Ông mong muốn các em ông rút đơn về để anh chị em giải quyết tình cảm ở nhà. Nếu mọi người không đồng ý thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật, vì điều kiện đi lại xa xôi nên ông xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến hay thắc mắc gì khác.

Ông Lưu Văn T và những người ủy quyền cho ông Tự trình bày: Ông hoàn toàn nhất trí với ý kiến của bà Lợi đã trình bày ở trên. Trong hộ khẩu của cụ Trương Thị Thị trước khi chết có ông là Lưu Văn T, cùng vợ và các con tôi là Nguyễn T Th; Lưu Thị Hạnh; Lưu Văn Mạnh; và Lưu Mạnh Cường. Tuy nhiên vợ chồng và các con ông xác định đất chị Lợi đang có tranh chấp mang tên cụ Trương Thị Thị là của mẹ ông, không có liên quan gì đến vợ chồng và con cái ông. Khi mẹ ông chết đi thì không có di chúc gì. Nay ông hoàn toàn nhất trí ý kiến của bà Lợi, đề nghị chia thừa kế theo pháp luật. Ông cũng không nhất trí việc vợ chồng bà Thanh đổ đất, làm nhà trên đất của bố mẹ bà. Phần của ông nếu được chia xin tập trung với bà Lợi, bà Liên để làm nơi thờ cúng cha mẹ.

Bà Lưu T Ln trình bày: Bà hoàn toàn nhất trí với ý kiến của bà Lợi. Đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản của bà Trương Thị Thị theo quy định của pháp luật. Phần của bà nếu được chia tôi xin tập trung lại cho ông Tự để xây nhà làm nơi thờ cúng cha mẹ.

Ông Lưu V T trình bày: ông hoàn toàn nhất trí với ý kiến của các anh chị em trong gia đình về quan hệ huyết thống gia đình. Diện tích đất 108,9m^2 trước khi mẹ ông qua đời có tuyên bố cho ông Nghiệp làm nơi ăn ở và thờ cúng tổ tiên nhưng không để lại di chúc. Bà Thanh, ông Tâm được ông Nghiệp nhờ trông nom đất, khi nào ông Nghiệp đòi thì phải trả. Ông không đồng ý chia đất này mà yêu cầu để lại cho anh Nghiệp có nơi ăn ở và thờ cúng tổ tiên. Nếu trong trường hợp phải chia theo pháp luật thì phần tài sản của ông được

chia thừa kế ông xin nhường lại toàn bộ cho anh Nghiệp. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông xin được vắng mặt toàn bộ, không có ý kiến hay thắc mắc gì khác.

Ông Trương V T trình bày: Ông kết hôn với bà Bà Lưu T T năm 1989. Sau khi kết hôn, bà Thanh về nhà ông ở. Tài sản thừa kế của bố mẹ bà Thanh không liên quan gì đến ông và bà Thanh. Tháng 10/2015 ông Nghiệp có nhờ vợ chồng ông trông nom thửa đất mà cụ Thị để lại, trên đất có 01 nhà cấp 4 cũ nát, đã sập. Anh Nghiệp nhờ vợ chồng ông tháo dỡ tháng 11/2015, sau đó vợ chồng ông bỏ 20 triệu đồng đổ đất. Đến 20/8/2018 thì vợ chồng ông xây dựng toàn bộ diện tích đất thành tường gạch, lợp tôn là 90 triệu đồng, hiện đang chăn nuôi gà trên đất. Ông xác định đất này là của ông Nghiệp, khi nào ông Nghiệp đòi lại thì vợ chồng ông trả. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông xin được vắng mặt, không có ý kiến hay thắc mắc gì khác.

Bà Nguyễn T S, sinh năm 1955; cùng các con là anh Nguyễn V T; chị Nguyễn T T; chị Nguyễn T T; anh Nguyễn V Th trình bày: cụ Trương Thị Thị có kết hôn với cụ Nguyễn Văn Thuộc năm 1953 (cụ Thuộc đã hy sinh năm 1954). Cụ Thuộc và cụ Thị có 01 người con chung là ông Nguyễn Văn Thành (sinh năm 1955, chết năm 2016). Bà là vợ của ông Thành sinh năm 1955, bà và ông Thành có các con là anh Nguyễn V T, sinh năm 1975; chị Nguyễn T T, sinh năm 1977; chị Nguyễn T T, sinh năm 1979; anh Nguyễn V Th, sinh năm 1983. Về phần tài sản của cụ Thị vợ chồng bà không có công sức gì. Khi cụ Thị còn sống cụ có quyền định đoạt toàn bộ tài sản của cụ. Nay ông Thành đã mất, cụ Thị cũng đã mất nếu ông Thành có được hưởng thừa kế, bà và các anh chị được thừa kế thế vị theo pháp luật thì bà và các anh chị cũng không có yêu cầu gì mà xin nhường lại cho 6 người con của cụ Thị và cụ Nông. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà và các anh chị xin được vắng mặt, không có yêu cầu hay thắc mắc gì khác.

Đại diện theo ủy quyền của Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Mê Linh trình bày: Ngày 29/10/2011 văn phòng có tiếp nhận giải quyết hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất là một phần thửa đất giữa hộ cụ Trương Thị Thị và ông Lưu Văn T và cấp đổi giấy chứng nhận phần diện tích đất còn lại cho hộ bà Trương Thị Thị. Hộ cụ Trương Thị Thị được UBND huyện Mê Linh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 379523 đối với thửa đất số 108 tờ bản đồ số 30 có diện tích 418,9m^2 đất ở tại nông thôn. Hộ cụ Trương Thị Thị tặng cho ông Lưu Văn T là con trai diện tích 301m^2, ranh giới diện tích được thể hiện tại hồ sơ kỹ thuật thửa đất, đã được UBND huyện Mê Linh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 261900. Phần diện tích đất còn lại là 117,9m^2. Tuy nhiên tại hồ sơ kỹ thuật thửa đất chỉ thể hiện phần diện tích đất còn lại là 108,9m^2. Đây là sai sót thể hiện trên hồ sơ kỹ thuật, còn diện tích thực tế đúng là 117,9m^2. Văn phòng đề nghị Tòa án hướng dẫn công dân thực hiện thủ tục đăng ký biến động về diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ 108,9m^2 thành 117,9m^2 tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Mê Linh.

Quá trình Tòa án giải quyết đại diện theo ủy quyền của văn phòng xin vắng mặt. Không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Các đương sự có mặt giữ nguyên quan điểm của mình và đề nghị HĐXX xem xét theo quy định của pháp luật. Bà Lưu T L rút yêu cầu buộc bà Bà Lưu T T phải bồi thường thiệt hại đã phá dỡ 5 gian nhà cấp 4, công trình phụ trên đất của cụ Lưu Thị Thị.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lợi. Chia thừa kế theo pháp luật. Chia di sản thừa kế của cụ Trương Thị Thị là 117,9m^2 đất tại Thôn K, xã V, huyện M cho 6 người con bằng hiện vật. Chia gộp cho ông Tự, bà Lợi, bà Liên vào 1 phần; chia cho ông Nghiệp phần của ông Nghiệp, bà Thanh, ông Thắng vào 1 phần. Buộc ông Tâm, bà Thanh phải tháo dỡ nhà tôn trên đất để trả lại đất cho các bên.

Tại bản án sơ thẩm số 37/2019/DSST ngày: 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh đã quyết định:

Áp dụng các điều 115; 166; 609; 611; 612; 613; 614; 620; 623; 634; 650; 651; 652; 660 Bộ luật dân sự; Áp dụng các điều 147; điều 227; điều 228; 273 Bộ Luật Tố Tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lưu T L.

2. Xác định di sản của cụ Trương Thị Thị gồm có thửa đất 117,9m^2, thửa đất số 108, tờ bản đồ số 30, địa chỉ tại Xóm Trại A, Thôn K, xã V, huyện M, Thành phố Hà Nội, đã được cấp GCNQSDĐ số BE360087 ngày 16/12/2011 mang tên bà Trương Thị Thị.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trương Thị Thị gồm có: ông Nguyễn Văn Thành, đã chết năm 2016 (những thừa kế thế vị của ông Thành là bà Nguyễn T S; cùng các con là anh Nguyễn V T; chị Nguyễn T T; chị Nguyễn T T; anh Nguyễn V Th); ông Lưu X N; ông Lưu V T; Bà Lưu T L; ông Lưu Văn T; bà Lưu T Ln; bà Bà Lưu T T.

Ghi nhận sự tự nguyện từ chối nhận di sản thừa kế của là bà Nguyễn T S; cùng các con là anh Nguyễn V T; chị Nguyễn T T; chị Nguyễn Thị Thanh; anh Nguyễn V Th.

Ghi nhận sự tự nguyện nhường phần di sản được thừa kế của bà Bà Lưu T T, ông Lưu V T cho ông Lưu X N.

4. Chia thừa kế theo pháp luật.

5. Giao cho ông Lưu Văn Nghiệp 59 m^2 thửa đất số 108, tờ bản đồ số 30, có địa chỉ tại Thôn K, xã V, huyện M, Thành phố Hà Nội đã được cấp GCNQSDĐ số BE360087 ngày 16/12/2011 mang tên cụ Trương Thị Thị (có các điểm B',E,A,B,B' trên sơ đồ kèm theo).

6. Giao cho Bà Lưu T L, bà Lưu T Ln và ông Lưu Văn T 58,9m^2 thửa đất số 108, tờ bản đồ số 30, có địa chỉ tại Thôn K, xã V, huyện M, Thành phố Hà Nội đã được cấp GCNQSDĐ số BE360087 ngày 16/12/2011 mang tên cụ Trương Thị Thị (có các điểm B',C,D,E,B' trên sơ đồ kèm theo).

Bà Lợi, bà Liên và ông Tự phải thanh toán cho bà Thanh, ông Tâm 10 triệu đồng tiền đổ đất.

Ông Nghiệp phải thanh thoán cho bà Thanh, ông Tâm 10 triệu đồng tiền đổ đất.

7. Buộc bà Bà Lưu T T, ông Trương V T phải tháo dỡ nhà tôn tạm trên đất.

8. Kiến nghị Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Mê Linh đính chính lại diện tích đã được cấp giấy chứng nhận mang tên cụ Trương Thị Thị từ diện tích 108,9m^2 thành 117,9m^2 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Trương Thị Thị do bà Bà Lưu T T đang quản lý để điều chỉnh lại theo quy định của pháp luật.

9. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của Bà Lưu T L buộc bà Bà Lưu T T phải bồi thường thiệt hại đã phá dỡ 5 gian nhà cấp 4, công trình phụ trên đất của cụ Lưu Thị Thị.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Không đồng ý bản án dân sự sơ thẩm, Bà Lưu T L nguyên đơn, ông Lưu Văn T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo đối với phần thanh toán tiền công đổ đất, ông Lưu V T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo và không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Ông Lưu V T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai và không có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật;

- Về nội dung kháng cáo: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử giữ sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân

huyện Mê Linh đối với phần án phí và sơ đồ kèm theo bản án, đình chỉ giải quyết kháng cáo của ông Lưu V T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Đơn kháng cáo và biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của phía bị đơn nộp trong hạn luật định nên hợp lệ.

Ông Lưu V T kháng cáo toàn bộ nội dung vụ án, nhưng được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Thắng. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác là ông Nghiệp, ông Tâm, bà Sự, anh Thắng, chị Thu, chị Thanh, anh Thịnh, Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội vắng mặt và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người này.

Bà Lưu T L, ông Lưu Văn T kháng cáo không đồng ý thanh toán tiền công đổ đất cho bà Thanh, ông Tâm và đề nghị thanh toán bằng tiền cho ông Nghiệp đối với phần di sản thừa kế mà ông Nghiệp được hưởng để nhận đất làm nơi thờ cúng nên Hội đồng xét xử xem xét lại các nội dung sau:

[1]. Về nội dung vụ án:

Các đương sự đều thống nhất nội dung: Cụ Lưu Văn Nông, sinh năm 1931, chết năm 2007 kết hôn với cụ Trương Thị Thị , sinh năm 1927, đã chết năm 2015. Cụ Nông, cụ Thị sinh được 06 người con gồm: ông Lưu X N, sinh năm: 1958; ông Lưu V T, sinh năm: 1960; Bà Lưu T L, sinh năm: 1964; ông Lưu Văn T, sinh năm: 1968; bà Lưu T Ln, sinh năm: 1970; bà Bà Lưu T T, sinh năm: 1973.

Trước khi kết hôn với cụ Lưu Văn Nông thì cụ Thị có kết hôn với cụ Nguyễn Văn Thuộc năm 1953, cụ Thuộc đã hy sinh năm 1954. Cụ Thuộc và cụ Thị có 01 người con chung là Nguyễn Văn Thành, sinh năm 1955, chết năm 2016. Ông Thành có vợ là bà Nguyễn T S, sinh năm 1955; các con là anh Nguyễn V T, sinh năm 1975; chị Nguyễn T T, sinh năm 1977; chị Nguyễn T T, sinh năm 1979; anh Nguyễn V Th, sinh năm 1983.

Năm 2007, cụ Nông chết không để lại di chúc. Ngày 04/5/2011, cụ Thị và các con được cấp GCNQSDĐ số BE379523 đối với diện tích đất 418,9m^2 thửa đất số 108, tờ bản đồ số 30, có địa chỉ tại Thôn K, xã V, huyện M, Thành phố Hà Nội mang tên hộ bà Trương Thị Thị. Tài sản này không liên quan gì đến anh Thành và vợ con anh Thành.

Sau khi được cấp GCNSDĐ, ngày 23/9/2011, cụ Thị và các con đã làm hợp đồng tặng cho ông Lưu Văn T diện tích đất 301m^2 trong tổng phần diện tích nêu trên. Ông Lưu Văn T đã làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ và đã được UBND huyện Mê Linh cấp GCNQSDĐ đối với phần diện tích này. Phần diện tích còn lại cụ Trương Thị Thị đã được UBND huyện Mê Linh cấp GCNQSDĐ số BE360087 ngày 16/12/2011, mang tên hộ bà

Trương Thị Thị, diện tích 108,9m^2 tại thửa đất số 108, tờ bản đồ số 30, có địa chỉ tại Thôn K, xã V, huyện M, thành phố Hà Nội. Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Mê Linh cung cấp do việc chia tách, hồ sơ kỹ thuật làm chưa chính xác nên xác định thửa đất số 108, tờ bản đồ số 30, có địa chỉ tại Thôn K, xã V, huyện M, Thành phố Hà Nội đã được cấp GCNQSDĐ số BE360087 ngày 16/12/2011 mang tên cụ Trương Thị Thị có diện tích là 117,9m^2. Kết quả đo đạc thực tế xác định thửa đất có diện tích 117,8m^2. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ Thị đang ở chung với gia đình Tự và theo nhân khẩu thì cụ Thị ở cùng hộ khẩu với ông Tự. Trong toàn bộ thời gian đó ông Tự là người trực tiếp trông nom, quản lý tài sản của cụ Thị. Tuy nhiên ông Tự và các con ông Tự đều xác nhận tài sản nhà, đất là của cụ Thị, không liên quan gì đến vợ con ông Tự.

Năm 2015, cụ Thị chết không để lại di chúc. Ông Nghiệp, ông Thắng, bà Lợi, ông Tự, bà Liên, bà Thanh đều thừa nhận cụ Thị muốn để lại thửa đất để làm nơi thờ cúng tổ tiên; phía bà Thanh, ông Nghiệp, ông Thắng đều cho rằng cụ Thị dặn để lại cho ông Nghiệp làm nơi thờ cúng tổ tiên. Phía bà Lợi, bà Liên, ông Tự cho rằng cụ Thị chỉ dặn làm nơi thờ cúng tổ tiên mà không giao cho ai trực tiếp quản lý.

Như vậy xác định cụ Thị chết không để lại di chúc nên chia thừa kế theo pháp luật.

Bà Thanh, ông Thắng xin nhường lại toàn bộ phần di sản thừa kế được nhận cho ông Nghiệp.

Ông Tự, bà Lợi, bà Liên yêu cầu được chia thừa kế theo pháp luật. Nếu được xin được chia gộp vào 1 phần cho 3 người để tiện làm nơi thờ cúng cha mẹ, tổ tiên.

Ông Thành là con riêng của cụ Thị đã chết năm 2016; bà Sự là vợ và các con của ông Thành, bà Sự đều xác định không có liên quan gì đến tài sản của cụ Thị, trong trường hợp được chia thừa kế theo pháp luật thì bà và các con không yêu cầu gì, xin nhường lại toàn bộ cho 6 người con của cụ Thị.

Xác định di sản của cụ Trương Thị Thị để lại gồm có 117,8m^2 (theo số đo thực tế). Chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất gồm 6 người, mỗi người được 19,63m^2. Chia cho ông Thắng, bà Thanh, ông Nghiệp vào một thửa có diện tích 58,9m^2; bà Thanh, ông Thắng nhất trí để lại toàn bộ kỷ phần thừa kế của mình cho ông Nghiệp. Chia cho bà Lợi, bà Liên, ông Tự vào một thửa có diện tích 58,9m^2.

Việc phân chia di sản thừa kế của Hội đồng xét xử sơ thẩm là có căn cứ đúng với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, tuy nhiên cần điều chỉnh sơ đồ kỹ thuật kèm theo bản án theo đúng trích đo hiện trạng thửa đất là 117,8m^2.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Lợi rút yêu cầu buộc ông Tâm, bà Thanh phải bồi thường thiệt hại về việc tháo dỡ 05 gian nhà cấp 4 đã xuống cấp, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của Bà Lưu T L, ông Lưu Văn T:

- Đối với yêu cầu thanh toán tiền mặt cho ông Nghiệp đối với phần di sản thừa kế ông Nghiệp được hưởng: xét quá trình giải quyết vụ án bà Thanh, ông Thắng nhường lại phần di sản thừa kế cho ông Nghiệp, do vậy phần di sản thừa kế của ông Nghiệp được hưởng đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Nghiệp cũng đề nghị được chia thừa kế theo pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhân yêu cầu kháng cáo này của bà Lợi, ông Tự.

- Đối với yêu cầu không đồng ý thanh toán khoản tiền công đổ đất cho bà Thanh, ông Tâm: Theo lời khai của các đương sự, sau khi cụ Thị chết, thửa đất đang có tranh chấp do gia đình ông Tự quản lý, từ năm 2016 bà Thanh, ông Tâm đã phá dỡ nhà cấp 4 trên thửa đất của cụ Thị để lại nêu trên, đổ đất, làm mái tôn nuôi gà mà không được sự đồng ý của các con cụ Thị, sau khi bà Thanh, ông Tâm làm thì liên tục xảy ra tranh chấp. Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bà Thanh không có công sức gì trong việc duy trì, tôn tạo di sản và buộc bà Thanh, ông Tâm tháo dỡ phần mái tôn để trả lại phần đất đã chia cho các thừa kế là có căn cứ. Tuy nhiên việc bà Thanh, ông Tâm đổ đất là có thật, các đương sự đều có lời khai thừa nhận việc bà Thanh đổ đất, Hội đồng định giá cũng xác định công đổ đất đối với thửa đất là 20.000.000 đồng do vậy Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định những người được hưởng di sản thừa kế là ông Nghiệp, bà Lợi, bà Liên, ông Tự phải thanh toán chi phí đổ đất cho bà Thanh là có căn cứ, do vậy không chấp nhận nội dung kháng cáo này của các đương sự.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần di sản được nhận theo quy định của pháp luật. Ông Lưu X N là đối tượng người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Nội dung bản án sơ thẩm là đúng pháp luật, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bên đương sự tuy nhiên cần sửa lại bản án sơ thẩm về cách tuyên án, sửa về án phí và sơ đồ phân chia kèm theo bản án. Do sửa bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, ông Lưu V T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Điều 148, Khoản 1 Điều 309, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự 2015 ;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

***** Xử: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của ông Lưu V T, không chấp nhận kháng cáo của Bà Lưu T L, ông Lưu Văn T sửa bản án dân sự sơ thẩm số 37/2019/DSST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lưu T L.

1.1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trương Thị Thị gồm có: ông Nguyễn Văn Thành, đã chết năm 2016 (những thừa kế thế vị của ông Thành là bà Nguyễn T S; cùng các con là anh Nguyễn V T; chị Nguyễn T T; chị Nguyễn T T; anh Nguyễn V Th); ông Lưu X N; ông Lưu V T; Bà Lưu T L; ông Lưu Văn T; bà Lưu T Ln; bà Bà Lưu T T.

Ghi nhận sự tự nguyện từ chối nhận di sản thừa kế của là bà Nguyễn T S; cùng các con là anh Nguyễn V T; chị Nguyễn T T; chị Nguyễn T T; anh Nguyễn V Th.

Ghi nhận sự tự nguyện nhường phần di sản được thừa kế của bà Bà Lưu T T, ông Lưu V T cho ông Lưu X N.

1.2. Xác định di sản của cụ Trương Thị Thị là quyền sử dụng đất có diện tích 117,8m^2 tại thửa đất số 108, tờ bản đồ số 30, địa chỉ tại Xóm Trại A, Thôn K, xã V, huyện M, Thành phố Hà Nội, đã được cấp GCNQSDĐ số BE360087 ngày 16/12/2011 mang tên bà Trương Thị Thị.

1.3. Chia di sản thừa kế của cụ Trương Thị Thị theo pháp luật:

- Chia cho ông Lưu Văn Nghiệp quyền sử dụng đất có diện tích 58,9m^2 (giới hạn bản các điểm B',E,A,B,B') tại thửa đất số 108, tờ bản đồ số 30, có địa chỉ tại Thôn K, xã V, huyện M, Thành phố Hà Nội đã được cấp GCNQSDĐ số BE360087 ngày 16/12/2011 mang tên cụ Trương Thị Thị (Có sơ đồ kỹ thuật kèm theo bản án). Tổng giá trị di sản thừa kế ông Nghiệp được nhận là 188.480.000 đồng.

có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được công nhận quyền sử dụng đất đối với tài sản được phân chia nêu trên.

- Chia chung cho Bà Lưu T L, bà Lưu T Ln và ông Lưu Văn T quyền sử dụng đất có diện tích 58,9m^2 (giới hạn bởi các điểm B',C,D,E,B') tại thửa đất số 108, tờ bản đồ số 30, có địa chỉ tại Thôn K, xã V, huyện M, Thành phố Hà Nội đã được cấp GCNQSDĐ số BE360087 ngày 16/12/2011 mang tên cụ Trương Thị Thị (Có sơ đồ kỹ thuật kèm theo bản án).

Tổng giá trị di sản bà Lợi, bà Liên, ông Tự được nhận là 188.480.000 đồng.

Ông Lưu Văn Nghiệp, Bà Lưu T L, bà Lưu T Ln và ông Lưu Văn T có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được đăng ký quyền sử dụng đất đối với tài sản được phân chia nêu trên.

1.4. Ông Lưu Văn Nghiệp phải thanh toán cho bà Bà Lưu T T, ông Trương V T 10.000.000 đồng tiền công đổ đất.

Bà Bà Lưu T L, bà Lưu T Ln và ông Lưu Văn T cùng phải thanh toán cho bà Bà Lưu T T, ông Trương V T 10.000.000 đồng tiền công đổ đất.

Buộc bà Bà Lưu T T, ông Trương V T phải tháo dỡ nhà tôn tạm trên đất để trả lại diện tích được chia cho ông Nghiệp, bà Lợi, bà Liên và ông Tự.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của Bà Lưu T L buộc bà Bà Lưu T T phải bồi thường thiệt hại đã phá dỡ 5 gian nhà cấp 4, công trình phụ trên đất của cụ Lưu Thị Thị.

Không chấp nhận các yêu cầu khác cầu khác của các bên đương sự.

3. Về án phí:

Ông Lưu X N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lưu Văn T, Bà Lưu T L, bà Lưu T Ln cùng phải chịu 9.424.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, mỗi người phải chịu 3.141.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lợi đã nộp 7.500.000 đồng tạm ứng án phí dân sự, hoàn trả bà Lợi 4.359.000 đồng đã nộp theo biên lai Tạm ứng án phí số AA/2017/0009024 ngày 21/5/2019 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Mê Linh.

Ông Tự, bà Lợi không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả ông Tự, bà Lợi 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009289 ngày 29/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mê Linh.

Ông Lưu V T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, ông Thắng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009364 ngày 31/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mê Linh.

4. Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân huyện Mê Linh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đặng Mạnh Cẩm Yến